

## Bình đẳng giới trong chương trình nghị sự toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu

Phương Ly  
Nhà nghiên cứu Xã hội học

**Tóm tắt:** Bài viết nhằm tìm hiểu sự tiến triển trong các nỗ lực đưa vấn đề bình đẳng giới vào các chương trình nghị sự toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu, qua đó, khẳng định những nỗ lực không ngừng nghỉ của các tổ chức và nhà hoạt động về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên thế giới trong quá trình vận động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu; Ứng phó với biến đổi khí hậu; Bình đẳng giới; Phụ nữ; Quyền quyết định; Trao quyền cho phụ nữ.

### 1. Mở đầu

Biến đổi khí hậu<sup>(1)</sup> (BĐKH) đã và đang là những thách thức lớn nhất đối với sự phát triển của nhân loại<sup>(2)</sup>. Ảnh hưởng của BĐKH đến các nhóm và thành viên trong xã hội bị chi phối bởi địa vị kinh tế xã hội, giới tính, mức độ tiếp cận và kiểm soát nguồn lực. Định kiến giới, sự bất bình đẳng giới trong các lĩnh vực lao động việc làm, sự tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong các tổ chức nghề nghiệp môi trường và những hạn chế trong tiếp cận các nguồn lực sản xuất quan trọng đã ảnh hưởng không nhỏ đến trải nghiệm, cách thức và chiến lược của phụ nữ trong ứng phó với BĐKH. Các

nghiên cứu tại nhiều quốc gia bị ảnh hưởng của BĐKH cho thấy tính hiệu quả và độ bền vững của các chương trình ứng phó với BĐKH có khả năng giảm đi đáng kể trong trường hợp không phân tích và xem xét các mối quan tâm riêng của phụ nữ và nam giới. Điều đáng lưu ý là trong thực tế, vấn đề bất bình đẳng giới đã không được xem xét một cách xuyên suốt và hệ thống trong nhiều thỏa thuận toàn cầu quan trọng về BĐKH<sup>(3)</sup>. Nhân dịp phái đoàn chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về BĐKH tại Paris, Pháp, bài viết này nhằm tìm hiểu sự tiến triển trong các nỗ lực đưa vấn đề bình đẳng giới vào các chương trình nghị sự toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu và qua đó, khẳng định những nỗ lực không ngừng nghỉ của các tổ chức và nhà hoạt động về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên thế giới trong quá trình vận động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp ứng phó với BĐKH.

## 2. Tác động của biến đổi khí hậu không phải là trung tính về giới

BĐKH toàn cầu đang diễn ra nghiêm trọng và biểu hiện của nó là sự nóng lên của trái đất, băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài. Hậu quả của BĐKH là dẫn đến thiếu lương thực, thực phẩm; xuất hiện dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm; xu thế di cư do mất đất ở và mất sinh kế. BĐKH tác động không nhỏ đến các nỗ lực giảm nghèo và các thành tựu hướng đến việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ (MDG). Báo cáo về phát triển con người của Liên hợp quốc (LHQ) chỉ ra rằng BĐKH đang tiếp tục đe dọa sinh kế của các quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) thấp và BĐKH có thể làm tồi tệ hơn các vấn đề môi trường ví dụ như phá rừng, hạn hán, thoái hóa đất và ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nhóm người nghèo, người thu nhập thấp<sup>(4)</sup>.

Phụ nữ trong các quốc gia đang phát triển là những nhóm dễ bị tổn thương đối với BĐKH vì sinh kế của họ phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thời tiết<sup>(5)</sup>. Do sự khác biệt giới trong phân công lao động, vai trò giới và thực trạng bất bình đẳng giới, BĐKH đang ảnh hưởng đến phụ nữ và nam giới theo các cách khác nhau và nếu không được xem xét một cách khoa học, BĐKH còn có khả năng làm củng cố thêm mối quan hệ bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Sự khác biệt về ảnh hưởng của BĐKH lên phụ nữ và nam giới có thể được lí giải ngắn gọn thông qua bốn nhóm nguyên nhân sau:

*Thứ nhất*, có sự khác biệt giới trong thời gian dành cho công việc nhà và công việc chăm sóc trong gia đình. Trên toàn thế giới, thời gian phụ nữ làm việc nhà và công việc chăm sóc không được trả công đều cao hơn nam

giới nhiều lần. Báo cáo về tiến bộ toàn cầu của phụ nữ của LHQ năm 2015 cho thấy năm 2013 ở khu vực châu Á Thái Bình Dương, phụ nữ dành thời gian làm việc nhà và việc chăm sóc không được trả công cao gấp bốn lần nam giới. Khoảng cách lương giữa phụ nữ và nam giới là từ 10 đến 30%<sup>(6)</sup>. Sự bất bình đẳng giới tác động đáng kể đến tiếp cận việc làm trả lương, loại hình công việc của phụ nữ trong thị trường lao động, từ đó dẫn đến thực tế là phụ nữ thường chiếm số đông trong khu vực kinh tế phi chính thức và trong lĩnh vực nông nghiệp, sở hữu đất đai và của cải trong xã hội ít hơn nam giới nhiều lần. Sự bất bình đẳng về địa vị kinh tế là thách thức không nhỏ với phụ nữ trong việc họ sẽ phải ứng phó với BĐKH như thế nào.

*Thứ hai*, so với nam giới, tỉ lệ phụ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo còn rất hạn chế. Báo cáo của LHQ trong quá trình rà soát 20 năm thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh cho thấy trên thế giới chỉ có 22% phụ nữ trong quốc hội và chỉ có 5% số lượng giám đốc của các công ty quy mô lớn là phụ nữ. Hạn chế về tính đại diện và lãnh đạo đã cản trở phụ nữ trong việc gây ảnh hưởng đến các chính sách và chương trình có tác động đến cuộc sống và lợi ích của họ. Ngay cả trong những thảo luận mang tính toàn cầu về BĐKH thì chuyên gia môi trường là nữ và đại biểu nữ trong đại diện phái đoàn các quốc gia tham dự nhằm xây dựng chương trình nghị sự về BĐKH là rất thấp, ít hơn 15%<sup>(7)</sup>.

*Thứ ba*, chính các chuẩn mực xã hội, các định kiến giới đã hạn chế phụ nữ trong quá trình học hỏi những kỹ năng và kiến thức mới để đối phó và thích ứng với BĐKH, ví dụ như ở nhiều nơi trẻ em gái không được khuyến khích học bơi hay trèo lên cây cao và phụ nữ thậm chí không được khuyến khích có mặt tại các hoạt động cộng đồng<sup>(8)</sup>. Nhiều cộng đồng không khuyến khích phụ nữ tham gia quyết định những vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến các thành viên trong cộng đồng. Các chuẩn mực về vai trò giới được mong đợi đối với phụ nữ như các công việc nhà, chăm sóc người già, trẻ em và người ốm trong gia đình hạn chế sự tham gia của nữ trong các hoạt động cộng đồng, tham gia học tập đào tạo ngắn và dài hạn, đồng thời cản trở họ nắm giữ các vị trí lãnh đạo.

*Thứ tư*, việc thiếu số liệu phân tách theo giới khiến quá trình xác định các vấn đề bình đẳng giới trong các can thiệp ứng phó và giảm thiểu các tác động của BĐKH trở nên khó khăn<sup>(9)</sup>. Điều này không chỉ xảy ra trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH mà còn nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc y tế, quản trị, xóa đói giảm nghèo. Thiếu số liệu không chỉ gây khó khăn cho việc phân tích và xác định vấn đề giới trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách mà còn

giúp củng cố các định kiến về vai trò giới và sự đóng góp của phụ nữ, dẫn đến việc xây dựng và thực hiện các chính sách không tính yếu tố giới, không xem xét cụ thể các lợi ích chiến lược của phụ nữ và nam giới. Điều này lý giải tại sao một số chính sách và chương trình can thiệp về BDKH lại gây ra ảnh hưởng không mong đợi làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.

### **3. Phụ nữ đóng vai trò tích cực trong việc thích ứng và giảm thiểu tác động của BDKH**

Phụ nữ không phải là nạn nhân thụ động của BDKH. Các nghiên cứu trên nhiều nơi trên thế giới đã chỉ ra rằng phụ nữ đã và đang đóng vai trò như tác nhân tích cực trong thích ứng và giảm thiểu tác động của BDKH thông qua vai trò quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hoạt động sản xuất và tái sản xuất trong gia đình và cộng đồng<sup>(10)</sup>. Điều này cũng có nghĩa là phụ nữ có kiến thức và kỹ năng trong xây dựng chiến lược cho bản thân và gia đình trong các hoạt động sinh kế và hoạt động cộng đồng để đối phó với các tác động xấu của BDKH như thay đổi hạt giống cây trồng, thay đổi thời gian thu hoạch mùa màng, tham gia vào xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai của cộng đồng, các hoạt động chuẩn bị cho gia đình và cộng đồng trước, trong và sau thiên tai.

Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng các cộng đồng ổn định và tái thiết cuộc sống hiệu quả hơn sau những thiên tai lớn nếu có sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ. Phụ nữ luôn có lợi thế và kinh nghiệm trong huy động sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai, tuy nhiên trong thực tế do những cản trở đã được phân tích trong phần trên, những kinh nghiệm của họ chưa được xem xét và sử dụng một cách đúng mức và hiệu quả trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình can thiệp về BDKH. Việc thiếu ngân sách cho các hoạt động lồng ghép giới cũng hạn chế sự thành công của các can thiệp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực môi trường nói chung, trong các ứng phó BDKH nói riêng và là nguyên nhân dẫn đến việc nhiều sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới không được thực hiện.

### **4. Vấn đề giới và biến đổi khí hậu trong các cam kết quốc tế và chương trình nghị sự toàn cầu về biến đổi khí hậu**

Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh ra đời năm 1995 tại Hội nghị toàn cầu về phụ nữ lần thứ 4, luôn được coi là một chương trình nghị sự toàn cầu để trao quyền cho phụ nữ và đã được các quốc gia thành viên của LHQ thông qua. Cương lĩnh bao gồm các nguyên tắc chung và 12 lĩnh vực trọng tâm đã cung cấp định hướng cho các quốc gia, cụ thể là với

chính phủ, các tổ chức của LHQ, các tổ chức xã hội dân sự và khối tư nhân trong việc tiến hành những hành động cụ thể nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Trong chương trình nghị sự này, một trong 12 vấn đề trọng tâm là phụ nữ và môi trường, với mục tiêu chiến lược cần phải thực hiện, đó là:

- Đảm bảo sự tham gia tích cực của phụ nữ trong quá trình ra quyết định liên quan đến môi trường ở tất cả các cấp;
- Lòng ghép những vấn đề và quan điểm giới trong mọi chính sách và chương trình về phát triển bền vững.

Đến nay đã tròn 20 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh. Rà soát 20 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh cho thấy đã có những tiến bộ nhất định về bình đẳng giới trong lĩnh vực môi trường, cụ thể là những nỗ lực nhằm đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định về chính sách và luật pháp liên quan đến môi trường<sup>(11)</sup>. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là không còn những rào cản trong quá trình thúc đẩy việc xây dựng và thực hiện các chính sách môi trường có trách nhiệm giới. Phụ nữ tham gia ít trong lập kế hoạch và xây dựng các chính sách môi trường, trong nghiên cứu và giảng dạy các ngành khoa học tự nhiên, trong đó có khoa học môi trường. Ở nhiều quốc gia còn thiếu các chiến lược cụ thể nhằm đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định, cụ thể là thiếu cơ chế về đảm bảo ngân sách và giám sát. Phụ nữ còn gặp nhiều cản trở trong quá trình tiếp cận đến đào tạo, tập huấn cũng như các nguồn lực sản xuất quan trọng.

Hai văn bản được coi là quan trọng nhất quy định trách nhiệm và hành động của các quốc gia để ứng phó với BĐKH đó là Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (viết tắt là UNFCCC)<sup>(12)</sup> và Nghị định thư Kyoto<sup>(13)</sup> đi kèm theo Công ước. Tuy nhiên, qua rà soát, cho thấy hai văn bản này không đề cập một chữ nào liên quan đến phụ nữ và vấn đề giới, hay nói một cách khác đã bỏ sót các vấn đề bình đẳng giới và sự tham gia của phụ nữ. Cho đến năm 2003, trong Hội nghị thượng đỉnh về UNFCCC về BĐKH (hay còn gọi là COP)<sup>(14)</sup> lần thứ 9, một mạng lưới nhà hoạt động về môi trường từ nhiều vùng lãnh thổ khác nhau đã thành lập các nhóm thảo luận bên lề về vấn đề giới và BĐKH; và phụ nữ với công bằng khí hậu. Tại COP 11 được tổ chức tại Montreal năm 2005, các nhóm tổ chức làm việc về quyền của phụ nữ và bình đẳng giới đã ủng hộ mạnh mẽ cách tiếp cận giới trong tất cả các lĩnh vực cực kỳ quan trọng và các cơ chế liên quan: giảm thiểu khí nhà kính, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển giao công nghệ và tài trợ.

Một trong những sự kiện quan trọng không thể không nhắc tới đó là

trong cuộc họp COP 13 được tổ chức tại Bali, Indonesia, một nhóm các nhà hoạt động nữ quyền về môi trường đã chia sẻ hàng loạt các phân tích chuyên đề về vấn đề phụ nữ và môi trường, góp phần tạo tiền đề cho việc lồng ghép các vấn đề giới vào chương trình nghị sự và các văn kiện quan trọng của COP.

Tại hội nghị COP 14 tổ chức tại Ba Lan năm 2008, nhóm thư ký của hội nghị COP đã chính thức đưa các vấn đề giới trong thông điệp cụ thể “các chiều cạnh của vấn đề giới và ảnh hưởng của nó có xu hướng tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới”. Nhóm thư ký này cũng thúc đẩy việc xây dựng “biện pháp thực hiện chính sách có yếu tố giới nhằm giải quyết tác động của BĐKH” và nhấn mạnh rằng phụ nữ là “những tác nhân quan trọng” và là “chủ thể thay đổi” trong các hoạt động ứng phó và thích ứng với BĐKH. Ban thư ký của COP còn có một điều phối viên về giới và thành lập nhóm cán bộ chuyên trách về giới để đảm bảo rằng vấn đề giới sẽ được xem xét vào trong ba mảng chương trình quan trọng của UNFCCC.

Trong cuộc họp COP 15 tại Bonn tháng 6 năm 2009, nhóm thư ký đã có nhiều đề xuất nhằm đảm bảo tầm quan trọng của vấn đề giới trong các thảo luận về BĐKH. Thỏa thuận của COP 15 đã có 13 điểm có nói đến “giới”, 17 điểm nói đến “phụ nữ” và một điểm nhắc đến CEDAW - Công ước về chống mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

Một bước tiến vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong quá trình thực hiện UNFCCC đó là quyết định 18/cp.20 được thông qua tại COP 20, trong đó quy định nhóm thư ký tổ chức UNFCCC chuẩn bị một chương trình hành động hai năm về giới (hay còn gọi là Chương trình làm việc LIMA về giới - LWPG) và yêu cầu nhóm này lên danh sách các quyết định liên quan đến giới và BĐKH, bao gồm các chương trình chính sách, báo cáo cụ thể đã được các quốc gia và LHQ xây dựng trong quá trình thực hiện UNFCCC và Nghị định thư Kyoto, tập hợp tất cả các thông tin liên quan đến vấn đề giới trong một tài liệu cụ thể nhằm xác định các tiến độ, khoảng cách và các lĩnh vực cần xem xét trong quá trình xây dựng kế hoạch hành động hai năm về giới trong quá trình thực hiện UNFCCC.

Trong hội nghị COP 21 được tổ chức tại Paris tháng 12 vừa qua, 50 phái đoàn đại diện cho các quốc gia thành viên của LHQ khi tham gia thảo luận về UNFCCC đã có những thông điệp cụ thể liên quan đến bình đẳng giới trong các tuyên bố của quốc gia, trong đó nhấn mạnh đến việc lồng ghép giới trong cơ chế thực hiện Chương trình LIMA về bình đẳng giới được thông qua năm 2014 (LWPG) và việc xây dựng Quỹ khí hậu xanh (Green

Climate Fund) bao gồm các nguyên tắc quản trị nhạy cảm giới trong quá trình vận hành các chương trình này. Các thỏa thuận được đưa ra trong COP 21 mang ý nghĩa lịch sử về thúc đẩy bình đẳng giới trong các can thiệp ứng phó với BĐKH khi nhấn mạnh đến việc “phải tôn trọng và xem xét những vấn đề về nhân quyền, cũng như các vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ”. Tại hội nghị, nhóm thư ký đã chuẩn bị một bản báo cáo dài 14 trang trong đó tổng hợp các vấn đề giới đã được đặt ra trong chương trình làm việc của các tổ chức thực hiện Công ước khung và Nghị định thư Kyoto, các thông tin về sự đại diện của phụ nữ trong các nhóm đại diện ở cấp vùng và các bên liên quan cũng như thông tin về sự đại diện của phụ nữ trong các phái đoàn tham dự các cuộc họp về thực hiện Công ước khung và Nghị định thư Kyoto. Năm 2015 được coi là một năm quan trọng khi các quốc gia thành viên của LHQ, trong đó có Việt Nam, thông qua một chương trình nghị sự phát triển toàn cầu quan trọng tiếp nối các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ MDG - đó chính là 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs) cho giai đoạn 2016-2030, hay còn được gọi là Chương trình nghị sự 2030. Đây được coi là một chương trình nghị sự tham vọng của các quốc gia thành viên LHQ trong việc hướng đến một trái đất phát triển hòa bình và bền vững cũng như đảm bảo các giá trị bình đẳng và quyền con người. Đáng lưu ý là trong 17 mục tiêu này, một mục tiêu đặc biệt đã được dành cho vấn đề BĐKH, đó là mục tiêu số 13: Cần tiến hành các hành động khẩn thiết chống BĐKH. Một điểm khác biệt của SDG chính là bình đẳng giới không chỉ được thể hiện trong một mục tiêu độc lập, mục tiêu SDG số 5 về đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, mà còn là một nguyên tắc xuyên suốt trong các mục tiêu còn lại của SDG. Chính vì lẽ đó, mục tiêu số 13 về BĐKH quy định rõ một trong các mục đích chính là “thúc đẩy các cơ chế nhằm xây dựng năng lực cho quá trình kế hoạch và quản lý liên quan đến BĐKH một cách hiệu quả trong các quốc gia ít phát triển và quốc gia đảo nhỏ, các cơ chế này cần tập trung vào phụ nữ, thanh niên, cộng đồng địa phương và cộng đồng nằm ngoài lề”<sup>(15)</sup>.

Điều này cho thấy trong vòng hơn hai mươi năm thực hiện UNFCCC, đã có những thay đổi đáng kể về việc nhìn nhận đánh giá ảnh hưởng vai trò của phụ nữ và các khía cạnh của bình đẳng giới đến quá trình ứng phó và chống lại BĐKH trong các văn kiện toàn cầu về BĐKH. Đây chính là kết quả của những nỗ lực không ngừng của các tổ chức và các nhà hoạt động nhân quyền, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong việc đảm bảo trách nhiệm giải trình của các quốc gia trong việc thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn đó những thách thức trước mắt trong việc cụ thể hóa các nội dung này trong các chương

trình cụ thể ở cấp quốc gia, thông qua việc cụ thể hóa các cơ chế thực hiện, giải trình, phân bổ ngân sách để đảm bảo rằng việc giải quyết các vấn đề giới không chỉ dừng lại trong quá trình thực hiện chính sách và chương trình BDKH không chỉ dừng lại ở các văn bản mà phải thực sự tạo ra những thay đổi tích cực trong cuộc sống của nhiều phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Theo điều 1, điểm 2 của Công ước khung của Liên hợp quốc về BDKH – UNFCCC năm 1992, BDKH là sự biến đổi của khí hậu do hoạt động của con người gây ra một cách trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và do sự biến động tự nhiên của khí hậu quan sát được trong những thời kì có thể so sánh được. Ở Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã định nghĩa về BDKH là sự biến đổi trạng thái của khí hậu do với trung bình và/hoặc sự dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỉ hoặc dài hơn. (Biến đổi khí hậu và kinh tế ven biển, Diễn đàn phát triển Việt Nam, NXB Giao thông vận tải, 2012).

<sup>(2)</sup> Giới và biến đổi khí hậu: thảo luận chính sách (UNDP và GGCA, 2012)

<sup>(3)</sup> Giới và biến đổi khí hậu: thảo luận chính sách (UNDP và GGCA, 2012)

<sup>(4)</sup> Giới và biến đổi khí hậu: thảo luận chính sách (UNDP và GGCA, 2012)

<sup>(5)</sup> Thảo luận chính sách về phụ nữ nông thôn (UN Women và FAO, 2014)

<sup>(6)</sup> Báo cáo toàn cầu về tiến bộ của phụ nữ (UN Women, 2014)

<sup>(7)</sup> [http://unfccc.int/gender\\_and\\_climate\\_change/](http://unfccc.int/gender_and_climate_change/) (thông tin truy cập từ trang web chính thức về giới và biến đổi khí hậu của UNFCCC)

<sup>(8)</sup> Giới và biến đổi khí hậu: thảo luận chính sách (UNDP và GGCA, 2012)

<sup>(9)</sup> Giới và biến đổi khí hậu: thảo luận chính sách (UNDP và GGCA, 2012)

<sup>(10)</sup> Thảo luận chính sách về giới và biến đổi khí hậu (UN Women, UNDP và Oxfam, 2011)

<sup>(11)</sup> The Beijing Declaration and Platform for Action turns 20 (UN Women, 2014)

<sup>(12)</sup> Công ước khung của LHQ về BDKH (UNFCCC) là công ước đầu tiên về BDKH và là cơ sở pháp lý cho các nỗ lực quốc tế nhằm chống lại BDKH toàn cầu. Mục tiêu chính của Công ước là ổn định lại nồng độ khí nhà kính trong bầu khí quyển ở mức có thể ngăn chặn những can thiệp nguy hại của con người đối với hệ thống khí hậu trong một khoảng thời gian đủ cho phép các hệ sinh thái có thể tự thích ứng một cách tự nhiên nhằm đảm bảo tái sản xuất lương thực không bị đe dọa và sự phát triển được thực hiện theo cách thức bền vững. Công ước đã đưa ra một số nguyên tắc nhằm đạt được mục tiêu ổn định nồng độ nhà kính như



phòng ngừa, hiệu quả chi phí, bền vững, trách nhiệm chung nhưng có sự phân biệt và yêu cầu các nước phát triển phải đi đầu trong cuộc chiến chống BĐKH toàn cầu.

<sup>(13)</sup> Nghị định thư Kyoto (Kyoto Protocol) là một nghị định thư nằm trong khuôn khổ của UNFCCC được ký kết tại Kyoto, Nhật Bản vào năm 1997 và chính thức có hiệu lực ngày 16 tháng 2 năm 2005. Theo nghị định này, các quốc gia được chia thành hai nhóm nước: nhóm nước phát triển phải tuân thủ các cam kết cắt giảm khí gây hiệu ứng nhà kính hoặc có thể thực hiện các biện pháp thay thế nếu không muốn đáp ứng yêu cầu cắt giảm phát thải tại quốc gia mình. Các quốc gia đang phát triển không chịu ràng buộc cắt giảm khí nhà kính. Nghị định thư đưa ra ba cơ chế linh hoạt là cơ chế phát triển sạch, đồng thực hiện và mua bán phát thải quốc tế để cho phép quốc gia phụ thuộc Phụ lục 1 đáp ứng các mục tiêu phát thải của mình bằng cách mua giấy phép giảm phát thải từ các nước khác. Ba cơ chế này được coi là cơ chế hợp tác quốc tế mới trong lĩnh vực môi trường giữa các quốc gia đang phát triển và các nước phát triển nhằm giảm phát thải khí nhà kính trên phạm vi toàn cầu với chi phí thấp nhất. Hiện nay đã có trên 180 quốc gia tham gia nghị định thư này.

<sup>(14)</sup> Hội nghị thượng đỉnh về UNFCCC còn được viết tắt là COP (Conference of the Parties - COP) là hội nghị thường niên của LHQ, đây là cuộc gặp chính thức thường niên của các chính phủ và các bên liên quan để đánh giá tiến độ thực hiện Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu. COP cũng là một cơ chế ra quyết định cao nhất cho việc thực hiện UNFCCC, do đó thường có sự tham gia cấp nhà nước của các quốc gia, theo đó, COP không chỉ rà soát việc thực hiện công ước mà còn tất cả các quy định quốc tế khác mà COP đã thông qua và đưa ra những quyết định cần thiết nhằm đảm bảo việc thực hiện của công ước UNFCCC.

<sup>(15)</sup> Outcome document of the United Nations summit for the adoption of the post-2015 development agenda.